

CÔNG KHAI

Theo Thông tư số 09 ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục: **TRƯỜNG THPT NGÔ MÂY**
2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- **Địa chỉ trụ sở:** Đường Đinh Gia Khánh, Phường Ngô Mây, tỉnh Kon Tum

- **Điện thoại:** 0260. 3856896

- **Trang thông tin điện tử:** <https://truongthptngomay.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Trường THPT Ngô Mây là loại hình Trường trung học công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và trực tiếp quản lý. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên của Trường THPT Ngô Mây chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Trường THPT Ngô Mây: Xem Chiến lược phát triển nhà trường kèm theo¹

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- Thông tin về sự hình thành và phát triển của nhà trường
 - Quyết định thành lập trường THPT Ngô Mây: QĐ số 260/QĐ-CT ngày 02/7/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum;

¹ Xem Kế hoạch số 15/KH-THPTNM ngày 13/03/2023 về Chiến lược phát triển nhà trường năm 2021-2026, tầm nhìn đến 2030

- Hiệu trưởng nhà trường qua các thời kỳ: 3
- Hiệu trưởng thứ nhất: thầy Nguyễn Ngọc Duyệt 2009-2013;
- Hiệu trưởng thứ Hai: thầy Thái Tăng Nghĩa từ 2013-2018;
- cô Võ Thị Mỹ Linh phụ trách 2018-2020;
- Hiệu trưởng hiện nay: thầy Lê Thanh Bình từ 2020

● Thông tin về số lớp và học sinh năm học 2025-2026

Năm học	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Số học sinh tốt nghiệp THPT	Thông tin về sự hình thành và phát triển của nhà trường
2024-2025	27	946	/156	
2025-2026				

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên	Chức vụ	Nơi làm việc	Số điện thoại	Địa chỉ thư điện tử
Lê Thanh Bình	Hiệu trưởng	Trường THPT Ngô Mây	0987851125	thanhbinhkt07@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

Cơ cấu tổ chức trường THPT Ngô Mây gồm: Hội đồng trường; Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng tư vấn; Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổ chức Công đoàn; Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các Tổ chuyên môn; Tổ Văn phòng; lớp học; tổ phục vụ các hoạt động giáo dục đặc thù của trường chuyên biệt.

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục: Trường THPT Ngô Mây được thành lập theo Quyết định số 260/QĐ-CT ngày 02/7/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Hội đồng trường THPT Ngô Mỹ được công nhận theo Quyết định số 855/QĐ-SGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trung học phổ thông Ngô Mỹ.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của Trường THCS- THPT Ngô Mỹ;

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số Quyết định điều động, bổ nhiệm
1	Lê Thanh Bình	Hiệu trưởng	31/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2020
2	Nguyễn Văn Thành	Phó hiệu trưởng	596/QĐ-SGDĐT ngày 06/10/2022
3	Võ Thị Mỹ Linh	Phó hiệu trưởng	1689/QĐ-SGDĐT ngày 18/6/2021

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường THPT Ngô Mỹ; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường THPT Ngô Mỹ: Thực hiện theo Thông tư 32/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có): Không có

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục²;
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục³;
- Các nghị quyết của hội đồng trường⁴;

² Xem Kế hoạch số 15/KH-THPTNM ngày 13/03/2023 về Chiến lược phát triển nhà trường năm 2021-2026, tầm nhìn đến 2030

³ Xem các Quy chế dân chủ kèm theo; Quyết định 60/QĐ-THPTMN ngày 01/10/2024 quyết định ban hành Quy chế dân chủ nhà trường năm học 2024-2025

⁴ Xem các Kế hoạch giáo dục hàng năm kèm theo (chưa xây dựng)

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Tổng số GV, CBQL, NV	70									
I	Giáo viên:	61									
1	Toán	11		2	9	0	0	0	7	4	0
2	Vật lí	6	0	0	6	0	0	0	4	2	0
3	Hóa học	4	0	0	4	0	0	0	3	1	0
4	Sinh học	5	0	0	5	0	0	0	0	5	0
5	Tin học	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0
6	Ngữ văn	7			7				4	3	0
7	Lịch sử	03			03				02	01	0
8	Địa lí	03			03				01	03	0
9	Tiếng Anh	06		01	05	0	0	0	06	0	0
10	GDKTPL	02			02				02		
11	Thủ dục, GDQPAN	04			04				03	01	0
12	Âm nhạc	1			1					1	
13	Mỹ thuật	2			2				1	1	
14	HĐTNHN-GDDP	3			3				2	1	
II	Cán bộ quản lý	1									
1	Hiệu trưởng	1		1						1	
2	Phó hiệu trưởng	0									
III	Nhân viên	8									
1	Văn thư	1					1				

2	Kế toán	1					1				
3	Thủ quỹ	0					0				
4	Y tế	1					1				
5	Thư viện	0						0			
6	Thiết bị, TN	2					2				
7	CNTT	0					0				
8	Giáo vụ	0					0				
9	Bảo vệ	1						1			
10	Tạp vụ	1						1			

2. Số lượng tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Stt	Nội dung	Năm học 2025-2026	Năm học 2024- 2025
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	1	3
	Tỉ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	61	59
	Tỉ lệ	100%	100%

3. Số lượng CBQL, GV, NV hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

Stt	Nội dung	Năm học 2025-2026	Năm học 2024- 2025
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	1	3
	Tỉ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	61	59
	Tỉ lệ	100%	100%
3	Nhân viên		
	Số lượng	6	6
	Tỉ lệ	100%	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm học 2025-2026	Năm học 2024-2025
I	Diện tích đất (m²)		
1	Tổng diện tích	21.230m ²	21.230m ²
2	Diện tích bình quân	21,23 m ²	21,23 m ²
II	Khối hành chính quản trị		
1	Phòng hiệu trưởng	1 phòng	1 phòng
2	Phòng phó hiệu trưởng	2 phòng	2 phòng
3	Phòng giáo viên	1 phòng	1 phòng
4	Phòng truyền thống	1 phòng	1 phòng
5	Văn phòng	1 phòng	1 phòng
6	Phòng giáo vụ	1 phòng	1 phòng
7	Phòng kế toán	1 phòng	1 phòng
8	Phòng Đảng-Đoàn Thanh niên	1 phòng	1 phòng
9	Phòng bảo vệ	1 phòng	1 phòng
10	Nhà xe giáo viên	1 nhà	1 nhà
11	Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý	1 khu	1 khu
III	Khối phòng học		
1	Số lượng	22 phòng	22 phòng
2	Loại phòng		
a	Phòng học kiên cố	22 phòng	22 phòng
b	Phòng học bán kiên cố	0	0
c	Phòng học tạm	0	0
d	Phòng học nhờ	0	0
IV	Khối phòng hỗ trợ học tập		
1	Phòng thực hành Vật lí- Công nghệ	01 phòng	01 phòng
2	Phòng thực hành Hóa học- Sinh	01 phòng	01 phòng
3	Phòng thực hành Tin học	02 phòng	02 phòng
4	Thư viện	01 phòng	01 phòng

5	Phòng dạy âm nhạc	01 phòng	01 phòng
6	Phòng dạy mỹ thuật	01 phòng	01 phòng
V	Khối phụ trợ		
1	Phòng họp	1 phòng	1 phòng
2	Phòng Y tế	1 phòng	1 phòng
3	Nhà kho	1 phòng	1 phòng
4	Cổng, hàng rào	Đã bị hỏng	Đảm bảo
VI	Khu sân chơi, bãi tập; nơi ở học sinh, gv		
1	Sân bóng đá mini	1 sân	1 sân
2	Hội trường lớn	120 chỗ	120 chỗ
VII	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Hệ thống nước sạch	x	x
2	Hệ thống cấp điện	x	x
3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	x	x
4	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc	x	x
5	Khu thu gom rác thải	x	x
VIII	Thiết bị hiện có		
1	Ti vi	26	26
2	Loa Bluetooth phục vụ dạy tiếng Anh	08 cái	08 cái
IX	Danh mục sách giáo khoa	x	x

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục: Mức độ 2

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1⁵.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025:

- Kết quả học tập:

⁵ Quyết định số 1084/QĐ-SGDĐT ngày 27/6/2025

Khối	Số học sinh	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	116	11	9.48	41	35.34	62	53.45	2	1.72
7	117	22	18.80	33	28.21	61	52.14	1	0.85
8	88	16	18.18	23	26.14	49	55.68	0	0.00
9	58	6	10.34	28	48.28	24	41.38	0	0.00
10	204	11	5.39	50	24.51	139	68.14	4	1.96
11	207	9	4.35	51	24.64	147	71.01	0	0.00
12	156	29	18.59	101	64.74	26	16.67	0	0.00
Cộng	946	104	10.99	327	34.57	508	53.70	7	0.74

- Kết quả rèn luyện:

Khối	Số học sinh	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6	116	62	53.45	46	39.66	8	6.90	0	0.00
7	117	83	70.94	29	24.79	5	4.27	0	0.00
8	88	52	59.09	26	29.55	10	11.36	0	0.00
9	58	33	56.90	21	36.21	4	6.90	0	0.00
10	204	129	63.24	56	27.45	16	7.84	3	1.47
11	207	139	67.15	48	23.19	20	9.66	0	0.00
12	156	127	81.41	27	17.31	2	1.28	0	0.00
Cộng	946	625	66.07	253	26.74	65	6.87	3	0.32

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH: *Xin xem phụ lục tài chính kèm theo*

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Phong trào thể dục thể thao, tổ chức các câu lạc bộ:

- Đội tuyển nhà trường tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh: đạt giải Ba toàn đoàn.

- Các câu lạc bộ: Văn học, Nhiếp ảnh, Bơi lội, Nghiên cứu KHKT, Âm nhạc và Hoạt động thiện nguyện được thường xuyên tổ chức các hoạt động, tạo ra sân chơi, tạo sự lan tỏa trong nhà trường.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (biết);
- Hiệu trưởng (theo dõi);
- Đảng ủy, Hội đồng trường (biết);
- Công đoàn trường (p/h);
- Website nhà trường;
- Lưu: VT.



